TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01897

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiên cứu thị trường (208430) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/05/2011 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV325 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09122003	ĐẶNG HIỀN VÂN	ANH	DH09QT	1		9,5	10	5
2	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH08QT	1		5	5	0
3	09122006	TRẦN THỊ	ÂN	DH09QT	2		6,5	6	5
4	09150006	THÁI BÁ	BÌNH	DH09TM	1		7,5	7	5
5	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM	1		5,5	5	5
6	09122013	TÔ VĂN	CHÚC	DH09QT	1		6,5	6	5
7	10122027	NGUYỄN TIẾN	DUẤN	DH10QT	1		7	7	0
8	10150007	LÂM THỊ MỸ	DUNG	DH10TM	1		8,5	8	5
9	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM	1		6,5	6	5
10	09150020	PHẠM THỊ	ĐOAN	DH09TM	2		8,5	8	5
11	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	DH08QT	1		6,5	6	5
12	09150022	TRƯƠNG THỊ BĂNG	GIANG	DH09TM	1		7	7	0
13	09122027	BÙI PHI	HẢI	DH09QT	1		9,5	9	5
14	09122030	PHAN VIẾT	HẢI	DH09QT	1		5,5	5	5
15	09122032	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	DH09QT	2		9,5	9	5
16	09122033	TRƯƠNG THỊ HUỆ	HẠNH	DH09QT	1		8	8	0
17	09150029	LÊ THỊ	HẰNG	DH09TM	1		6,5	6	5
18	10150013	NGÔ THỊ	HẰNG	DH10TM	1		7,5	7	5

Số bài: 17 ; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2: Phạm Thị Yến; Nguyễn T. Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Võ Phước Hậu

Ngày 9 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01897

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiên cứu thị trường (208430) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/05/2011 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV325 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08122039	NGUYỄN MINH	HIỂN	DH08QT	1		7	7	
20	09122039	VŨ TRỌNG	HIẾU	DH09QT	1		6,5	6	5
21	09122052	LÂM VĂN	HÒA	DH09QT	1		6	6	
22	08150046	DƯƠNG ĐÌNH	HOÀNG	DH08TM	1		8	8	
23	09122047	NGUYỄN THỊ	HOANH	DH09QT	1		5	5	
24	09122051	ĐINH XUÂN	HOẠT	DH09QT	1		8,5	8	5
25	10122068	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QT	1		7	7	
26	09122061	TRẦN NAM	HÙNG	DH09QT	1		6,5	6	5
27	09122060	NGUYỄN NGỌC	HUỲNH	DH09QT	1		7,5	7	5
28	09122067	NGUYỄN THỊ KIM	KHUÊ	DH09QT	1		6	6	
29	10122081	TRẦN ĐĂNG	LÂM	DH10QT	1		5	5	
30	10150034	CHU THỊ	LOAN	DH10TM	1		5,5	5	5
31	08122073	TRƯƠNG THỊ	LUYẾN	DH08QT	1		8	8	
32	09122079	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	LY	DH09QT	1		7	7	
33	09122081	PHẠM THỊ MAI	LY	DH09QT	2		7	7	
34	09122082	TRẦN THỊ TRÚC	LY	DH09QT	2		6,5	6	5
35	10150041	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	DH10TM	2		7	7	
36	08122080	HUỲNH THỊ LỆ	MY	DH08QT	1		5,5	5	5

Số bài: 47 ; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2: Phạm thị yến; Nguyễn T. Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Võ Phước Hậu

Ngày 9 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01897

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiên cứu thị trường (208430) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 04/05/2011 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV325 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10150044	TRẦN ĐẠI	NAM	DH10TM	2		8	8	
38	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH10TM	1		6	6	
39	09122090	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09QT	2		7	7	
40	10150048	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	DH10TM	1		7	7	
41	10150049	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	DH10TM	1		6,5	6	5
42	09122095	CAO THỊ BÍCH	NGỌC	DH09QT	1		7,5	7	5
43	09122096	PHẠM VĂN	NGỌC	DH09QT	2		6,5	6	5
44	08122085	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	DH08QT	1		6,5	6	5
45	08150098	PHAN TẤN HUY	NHUẬN	DH08TM	1		6	6	
46	09122099	ĐINH THỊ KIM	NHUNG	DH09QT	1		7	7	
47	09122100	PHẠM THỊ MỸ	NHUNG	DH09QT	1		5	5	

Số bài: 47 ; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến

Nguyễn T. Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Phước Hậu

Ngày 9 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01898

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiên cứu thị trường (208430) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 04/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV333 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150070	LÊ THỊ THẢO	NHƯ	DH09TM	1		7,5	7	5
2	09122102	NGUYỄN THỊ BÉ	NƯƠNG	DH09QT	2		9,5	9	5
3	09150071	NGUYỄN TRẦN HỒNG	OANH	DH09TM	1		9	9	0
4	10150065	HUỲNH LÊ UYÊN	PHƯƠNG	DH10TM	2		7,5	7	5
5	09122110	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	DH09QT	1		5,5	5	5
6	08150117	PHẠM ĐÌNH	QUÂN	DH08TM	1		5	5	0
7	09150077	VÕ THỊ HỒNG	RÂN	DH09TM	2		9	9	0
8	08122103	LÊ THANH	SANG	DH08QT	2		6,5	6	5
9	09150078	NGUYỄN THỊ HIỀN	SANG	DH09TM	1		7	7	0
10	10150071	TRẦN THỊ ÁNH	SÁNG	DH10TM	1		7,5	7	5
11	09122116	NGUYỄN THỊ NHƯ	SƯƠNG	DH09QT	1		8	8	0
12	08122112	TRẦN THỊ	THANH	DH08QT	1		7	7	0
13	09150085	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09TM	1		6,5	6	5
14	09122123	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	DH09QT	1		6	6	0
15	09122124	TRẦN THỊ NGỌC	THẢO	DH09QT	1		7	7	0
16	09122132	PHẠM VĂN	THÔNG	DH09QT	2		7,5	7	5
17	09150091	BÙI THỊ THU	THỦY	DH09TM	1		7	7	0
18	10150085	VŨ THỊ THANH	THỦY	DH10TM	1		6	6	0

Số bài: 34 ; Số tờ: 45

Cán bộ coi thi 1&2

Võ T. Quý

Lê Thanh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Phước Hậu

Ngày 9 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01898

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiên cứu thị trường (208430) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 04/05/11 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV333 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08150151	VÕ THỊ ANH	THƯ	DH08TM	2		7,5	7	5
20	09122140	PHẠM THỊ MỸ	TIÊN	DH09QT	1		5,5	5	5
21	09122143	PHẠM DUY	TOÀN	DH09QT	2		7,5	7	5
22	09150100	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH09TM	2		8	8	0
23	09150104	HUỲNH NGỌC THÙY	TRÂM	DH09TM	1		5	5	0
24	10122174	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH10QT	1		5,5	5	5
25	10150088	TRỊNH VĂN	TRẬN	DH10TM	2		7	7	0
26	09122152	NGUYỄN ĐĂNG	TRƯỜNG	DH09QT	1		8	8	0
27	10122193	NGUYỄN NHẬT	VĂN	DH10QT	1		3	3	0
28	09159003	VƯƠNG THỊ	VĂN	DH09TM	1		5,5	5	5
29	08122159	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN	DH08QT	2		7,5	7	5
✓ 30	10150097	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	DH10TM					
31	09150114	BÙI THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	2		9,5	9	5
32	09150113	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	1		8	8	0
33	08122168	HÀ THỊ KIM	YẾN	DH08QT	1		7	7	0
34	09122167	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT	1		7	7	0
35	09122168	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT	1		7,5	7	5

Số bài: 34 ; Số tờ: 45

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thanh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Phước Hậu

Ngày 9 tháng 5 năm 2011